TOÀ PHÚC THẨM TANDTC **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HS-PT
Ngày: 06/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 691/2025/TLPT-HS ngày 28/05/2025, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Bị cáo NGUYỄN DANH G, sinh ngày 26/4/1986 tại Hà Nội; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn M, xã Y, thành phố Hà Nội (trước là xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty T, Giám đốc Công ty G; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị Nh; vợ là Trần Thị Ng và 02 con; con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/9/2022, bị Công an huyện B xử phạt hành chính phạt tiền 10.500.000 đồng về hành vi *"Cố ý gây thương tích và ném gạch, đá vào cơ sở kinh doanh của người khác"*. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2023, bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo NGUYỄN VĂN N, sinh ngày 06/9/1995 tại Hà Nội; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn B, xã Y, thành phố Hà Nội (trước là xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty T; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, vợ là Khuất Thị Gi và 02 con; con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2023, bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành

phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

(1) Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Danh G, bị cáo Nguyễn Văn N theo chỉ định của Tòa án; có mặt tại phiên tòa.

(2) Luật sư Vy Văn M, Công ty Luật TNHH V, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2022, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Danh G nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các cá nhân bằng hình thức nhận làm các loại dịch vụ như: cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ), cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, hợp thửa. Để thực hiện, G tạo trang Fanpage "Làm sổ đỏ nhà đất" và "Bất động sản tại Ba Vì" trên mạng xã hội Facebook, bàn và thuê Nguyễn Văn N đăng tải các bài viết, thông tin quảng cáo về việc làm thủ tục cấp mới, cấp đổi Giấy CNQSDĐ để tìm kiếm khách hàng; G cam kết chia cho N 10% số tiền thu được từ mỗi Hợp đồng được ký kết. Mặt khác, để thu hút khách hàng cũng như với mục đích chiếm đoạt tiền của khách, G thành lập pháp nhân các công ty; cụ thể:

1. Công ty CP Tập đoàn T:

Công ty CP Tập đoàn T (gọi tắt là Công ty T) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép lần thứ nhất ngày 07/10/2022, mã số doanh nghiệp 0110143xxx, địa chỉ trụ sở công ty: Đội 1 thôn M, xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội. Nguyễn Danh G giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị; Nguyễn Văn N giữ chức vụ Giám đốc Công ty, người đại diện theo pháp luật. Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi giới bất động sản. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 đồng. Ngoài ra, N thuê Nguyễn Huy G2 làm nhân viên giúp việc cho Công ty từ tháng 02/2023; Tạ Thị M1 làm nhân viên trực điện thoại của Công ty từ tháng 5/2023 và một số người làm cộng tác viên môi giới bất động sản.

Nguyễn Danh G và Nguyễn Văn N thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại với phương thức, thủ đoạn: Khi khách hàng đến Công ty T, G hoặc N sẽ trực tiếp tư vấn, thỏa thuận, giao dịch đặt cọc và ký kết hợp đồng thuê làm dịch vụ. Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền đặt cọc của khách hàng, G chỉ đạo nhân viên đến thửa đất của khách hàng để tiến hành đo đạc diện tích thửa đất mục đích để tạo lòng tin với khách hàng. Thực tế G không đến cơ quan chức năng để hoàn thiện thủ tục như hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền đặt cọc của khách hàng.

Đến đầu tháng 7/2023, N không muốn hợp tác cùng G nên N giữ con dấu của Công ty T mục đích không cho G sử dụng. G tiếp tục thành lập Công ty TNHH Đầu tư G để tiếp tục ký hợp đồng với các khách hàng khác mục đích để chiếm đoạt tài sản cũng với phương thức, thủ đoạn như trên.

2. Công ty TNHH Đầu tư G:

Công ty TNHH Đầu tư G (gọi tắt là Công ty G) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép lần thứ nhất ngày 05/7/2023, mã số doanh nghiệp 0110408xxx, địa chỉ trụ sở công ty: Đội 1, thôn M, xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội. Nguyễn Danh G giữ chức vụ Giám đốc Công ty, người đại diện theo pháp luật; Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi giới bất động sản; vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/8/2022 đến tháng 7/2023, Nguyễn Danh G và Nguyễn Văn N đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của 05 bị hại với tổng số tiền là 1.059.000.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Danh G còn chiếm đoạt tài sản của 20 bị hại với tổng số tiền là 1.774.760.000 đồng. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Danh G và Nguyễn Văn N đối với 05 bị hại với tổng số tiền là 1.059.000.000 đồng.

1.1. Hành vi chiếm đoạt 360.000.000 đồng của anh Phùng Bá Â (sinh năm: 1993; trú tại: thôn H, thị trấn T, huyện B, thành phố Hà Nội).

Do có nhu cầu làm Giấy CNQSDĐ cho 05 thửa đất khai hoang thuộc địa bàn huyện B, thành phố Hà Nội, tháng 8/2022, anh Phùng Bá Â lên mạng Internet tìm kiếm đơn vị làm dịch vụ. Thông qua mạng xã hội facebook, anh Â thấy tài khoản Nguyễn Văn N đăng bài viết trên nhóm "Bất động sản Ba Vì" với nội dung: *"mình nhận làm đất khai hoang lên sổ đỏ, sang tên sổ đỏ, thủ tục cấp mới đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lên sổ cây lâu năm, sổ đỏ lâu dài từ đất khai hoang chưa có sổ, tách, hợp thửa theo nhu cầu, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thủ tục cho tặng, thừa kế cấp lại sổ bị mất"* kèm theo số điện thoại liên hệ là 0826.795.xxx. Anh Â gọi điện đến số điện thoại trên gặp N. N hẹn anh Â đến văn phòng "cafe bất động sản", địa chỉ: thôn M, xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội để trao đổi. Tại đây, anh Â gặp N và Nguyễn Danh G. G giới thiệu với anh Â, G là chủ văn phòng "cafe bất động sản", có mối quan hệ quen biết với Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội và nhiều Lãnh đạo UBND huyện B nên sẽ làm nhanh thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách bìa, tách thửa đất với chi phí rẻ. Tin tưởng thông tin G giới thiệu là thật, anh Â đã ký kết 03 hợp đồng với G và N, cụ thể:

- Ngày 27/8/2022, anh Â ký hợp đồng thuê N làm dịch vụ cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất thửa đất số 60, tờ bản đồ số 08, diện tích 1339 m^2 đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, địa chỉ tại: thôn N, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Trong đó, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 120 m^2 đất khai hoang thành đất ở nông thôn, diện tích còn lại thành đất trồng cây lâu năm, chi phí thực hiện là 200.000.000 đồng, đặt cọc trước 60.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 08 tháng kể từ ngày ký, đến ngày 27/4/2023 hết hạn. Sau khi ký kết hợp đồng, anh Â chuyển số tiền 60.000.000 đồng từ tài khoản số 45110000511xxx mang tên Phùng Bá Â mở tại Ngân hàng BIDV đến tài khoản số 1111111128xxx mang tên Nguyễn Văn N mở tại Ngân hàng MBBank.

- Ngày 21/7/2021, anh Â mua một thửa đất khai hoang có diện tích 1980 m^2 (diện tích cả thửa là 3123,8 m^2) của ông Vũ Cao O (sinh năm: 1952) và bà Doãn Thị Th (sinh năm: 1956, là vợ ông O) cùng trú tại: thôn 1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, với giá 900.000.000 đồng. Thửa đất chưa có Giấy CNQSDĐ. Ngày 23/9/2022, anh Â ký hợp đồng thuê G làm dịch vụ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ với tổng diện tích 3123,8 m^2, sau đó sẽ tách thửa đất thành hai Giấy CNQSDĐ riêng biệt. Trong đó, diện tích 1980 m^2 của anh Â chuyển đổi 100 m^2 thành đất ở thổ cư, diện tích còn lại thành đất trồng cây lâu năm, với chi phí là 300.000.000 đồng, đặt cọc trước 100.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 08 tháng kể từ ngày ký, đến ngày 23/5/2023 hết hạn. Cùng ngày, anh Â chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản số 45110000511xxx mang tên Phùng Bá Â mở tại Ngân hàng BIDV đến tài khoản số 8380122955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank.

- Ngày 27/6/2021 anh Â mua của bà Đỗ Thị Tú A (sinh năm: 1976, trú tại: thôn L, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) thửa đất số 60, 61, tờ bản đồ số 08, diện tích 679,7 m^2, đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, địa chỉ tại: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Ngày 05/10/2022, anh Â tiếp tục thuê G làm dịch vụ cấp Giấy CNQSDĐ cho thửa đất với chi phí là 450.000.000 đồng, đặt cọc 100.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng 08 tháng kể từ ngày ký, đến ngày 05/6/2023 hết hạn. Cùng ngày, anh Â chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản số 45110000511xxx mang tên Phùng Bá Â mở tại Ngân hàng BIDV đến tài khoản số 8380122955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank. Để tạo lòng tin với anh Â, G chỉ đạo N thực hiện việc trích đo thửa đất gửi cho anh Â. Đến ngày 06/11/2022, G yêu cầu anh Â chuyển tiếp số tiền 100.000.000 đồng để làm nhanh việc cấp Giấy CNQSDĐ. Tin G nói là thật, anh Â sử dụng tài khoản số 45110000511378 mang tên Phùng Bá Â mở tại Ngân hàng BIDV chuyển đến tài khoản số 8380122955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank số tiền 100.000.000 đồng. Quá thời hạn cam kết của 03 hợp đồng trên, G và N đều không làm được việc xin cấp Giấy CNQSDĐ cho các thửa đất mà anh Â đã ký hợp đồng, chiếm đoạt tổng số tiền 360.000.000 đồng đã nhận của anh Â.

Tại Cơ quan điều tra, G và N khai nhận hành vi phạm tội như trên. G khai sau khi nhận số tiền 360.000.000 đồng của anh Âu, G chia cho N số tiền 30.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, G và N chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/7/2023 anh Phùng Bá Â làm đơn đến Cơ quan điều tra - Công an huyện B tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt của G và N đối với số tiền 360.000.000 đồng của anh Â.

Xác minh tại UBND xã T, UBND xã C, UBND xã Tr, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Từ năm 2022 đến nay UBND xã T, UBND xã C, UBND xã Tr không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, Công ty xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh Â đã được gia đình G bồi thường số tiền 360.000.000 đồng, anh Â không yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

1.2. Hành vi chiếm đoạt 50.000.000 đồng của anh Lê Văn Đ (sinh năm: 1987; trú tại: thôn T, xã T, thị trấn V, tỉnh Vĩnh Phúc).

Thông qua mạng xã hội facebook, anh Lê Văn Đ thấy Công ty CP Tập đoàn T đăng thông tin nhận làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp Giấy CNQSDĐ. Do có nhu cầu tách Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 24 diện tích 322 m^2, tại: thôn 2, xã Tr, huyện B, thành phố Hà Nội nên anh Đ đã liên hệ với G. G cam kết sẽ làm được thủ tục tách Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên. Như đã thống nhất từ trước, ngày 01/12/2022, N gọi điện thoại và hẹn anh Đ đến thửa đất để đo thực địa. Sau khi kiểm tra, N cam kết sẽ tách được thửa đất trên và yêu cầu anh Đ mang giấy tờ đến văn phòng của G để ký Hợp đồng. Tin tưởng G và N sẽ làm được thủ tục tách Giấy CNQSDĐ trên thành 03 thửa đất nên ngày 01/12/2022, anh Đ ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về Bất động sản, với giá 190.000.000 đồng, đặt cọc 50.000.000 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng tối đa 04 tháng từ ngày 01/12/2022. Cùng ngày, anh Đ đưa bằng tiền mặt cho G số tiền 15.000.000.000 đồng và chuyển 35.000.000.000 đồng từ tài khoản số 101800001xxx mang tên Lê Văn Đ mở tại Ngân hàng VietinBank đến tài khoản số 45110000541xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng BIDV. Sau khi nhận tiền, G chia cho N 5.000.000 đồng. Hết thời gian thực hiện hợp đồng, G và N không làm được thủ tục tách thửa đất như đã cam kết mà chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng đã nhận. Ngày 11/7/2023, anh Đ làm đơn đến Cơ quan điều tra - Công an huyện B tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của G và N.

Về trách nhiệm dân sự: anh Đ đã được gia đình G bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu về bồi thường dân sự.

1.3. Hành vi chiếm đoạt 124.000.000 đồng của anh Trần Viết P (sinh năm: 1980; trú tại: thôn K, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội).

Thông qua mạng xã hội facebook, anh Trần Viết P biết Công ty T nhận làm dịch vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp Giấy CNQSDĐ. Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 451, tờ bản đồ số 11, diện tích 463m² là đất sản xuất nông nghiệp đã được cấp Giấy CNQSDĐ, địa chỉ tại: khu 15, thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Anh P gọi điện thoại cho N để tư vấn. N cam kết sẽ chuyển đổi được mục đích sử dụng đất cho thửa đất trên, trong đó chuyển đổi diện tích 120 m^2 thành đất ở, diện tích còn lại chuyển đổi thành đất trồng cây lâu năm. Khoảng tháng 10/2022, N hẹn gặp anh P để khảo sát thực địa thửa đất. Sau khi khảo sát xong, N cam kết sẽ chuyển đổi được mục đích sử dụng đất, với chi phí là 310.000.000 đồng, đặt cọc trước 124.000.000 đồng. Ngày 20/10/2022, G và N đến nhà anh P tại địa chỉ thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản, G cam kết thời hạn thực hiện hợp đồng là 08 tháng kể từ ngày ký, đến ngày 20/6/2023 hết hạn. Sau khi ký hợp đồng, anh P đưa tiền mặt là 124.000.000 đồng cho N và G. Sau khi nhận được tiền, G chia cho N 15.000.000 đồng, G và N không làm các thủ tục để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chiếm đoạt số tiền đã nhận. Hết thời hạn hợp đồng, anh P nhiều lần yêu cầu N và G trả lại số tiền đặt

cọc nhưng G và N không trả. Ngày 08/7/2023 anh P có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G và N đến Cơ quan Công an.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, thành phố Hà Nội kết quả: Thửa đất số 451, tờ bản đồ số 11, diện tích 463 m^2, địa chỉ tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội là đất sản xuất nông nghiệp không chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất thổ cư được.

Về trách nhiệm dân sự: anh P đã được gia đình G bồi thường số tiền 124.000.000 đồng và không yêu cầu về bồi thường dân sự.

1.4. Hành vi chiếm đoạt 455.000.000 đồng của ông Đỗ Quốc T (sinh năm: 1968; trú tại: thôn T, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội).

Năm 2018, ông Đỗ Quốc T mua thửa đất số 399, diện tích 425 m^2 là đất trồng cây lâu năm, địa chỉ tại: thôn V, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội của bà Phùng Thị H (sinh năm: 1936, trú tại: thôn V, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội). Do có nhu cầu chuyển đổi sang đất thổ cư nên ông T đến Công ty T để hỏi thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất trên. Sau khi ông T cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất, G và N cam kết sẽ làm được việc chuyển đổi thửa đất trên thành đất thổ cư cho ông T. Ngày 28/9/2022, ông T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản với nội dung: ông T thuê G thực hiện chuyển đổi 100 m^2 đất thổ cư với chi phí là 350.000.000 đồng, đặt cọc 140.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng 08 tháng, đến ngày 28/7/2023 hết hạn. Sau khi ký Hợp đồng, ông T đưa tiền mặt là 140.000.000 đồng cho G. Đến ngày 08/12/2022, ông T nói muốn chuyển đổi thêm 100 m^2 đất thổ cư nên G yêu cầu ông T phải chuyển thêm cho G 105.000.000 đồng. Cùng ngày, ông T chuyển 105.000.000 đồng từ tài khoản số 3010196858xxx mang tên Đỗ Quốc T mở tại Ngân hàng AgriBank đến tài khoản số 8380122955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Ngày 10/12/2022, ông T đề nghị chuyển đổi thêm 100 m^2 đất thổ cư (tổng số 300 m^2 đất thổ cư), G tiếp tục yêu cầu ông T chuyển thêm 175.000.000 đồng, ông T sử dụng tài khoản trên chuyển tiếp 175.000.000 đồng đến tài khoản của G. Tổng số tiền ông T đã chuyển cho G là 420.000.000 đồng. Để ông T tin tưởng, N và ông T ký hợp đồng ủy quyền cho N thực hiện các thủ tục tại Văn phòng đăng ký đất đai. Ngoài ra, ông T nhờ G làm hồ sơ xin đính chính lại thông tin trên Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất tại địa chỉ: xóm 1, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội mang tên ông Hoàng Văn Q sang tên Hoàng Văn Q1 và sang tên cho Hoàng Thị L (là con gái của ông Qu1). G yêu cầu ông T chuyển 35.000.000 đồng để thực hiện công việc trên. Ngày 17/5/2023, ông T chuyển 35.000.000 đồng đến tài khoản số 43554916xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng TPBank. Sau khi nhận tổng số tiền 455.000.000 đồng của ông T, G chia cho N số tiền 46.000.000 đồng. Quá thời hạn cam kết, G và N không thực hiện như cam kết, không trả lại tiền cho ông T, vì vậy ngày 10/11/2023, ông T có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G và N đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã V, huyện B, thành phố Hà Nội xác định: Thửa đất trên là đất trông cây lâu năm đã được cấp Giấy CNQSDĐ, UBND xã V không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng

đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông T đã được gia đình G bồi thường số tiền 455.000.000 đồng và không yêu cầu về bồi thường dân sự.

1.5. Hành vi chiếm đoạt 70.000.000 đồng của anh Nguyễn Tiến M2 (sinh năm: 1992; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội).

Anh Nguyễn Tiến M2 được ông Nguyễn Tiến S (sinh năm: 1968, trú tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) là bố anh M2 cho thửa đất số 15 diện tích 996 m^2, tờ bản đồ số 22, tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Ngày 10/01/2004, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số L 384677 mang tên ông Nguyễn Tiến S, là loại đất ở và đất vườn. Anh M2 có nhu cầu sang tên thửa đất này mang tên anh M2 dưới hình thức trao tặng.

Ngày 30/12/2021, anh M2 mua 02 thửa đất: Thửa đất số 201 có diện tích 378,7 m^2 và thửa số 195 có diện tích 53,3 m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 52, địa chỉ tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội. Ngày 30/12/2021 hai thửa đất được cấp Giấy CNQSDĐ số DĐ490769, là loại đất thổ cư, phi nông nghiệp gồm cả đất ở và đất vườn. Anh M2 có nhu cầu tách thành 02 thửa để bán.

Thông qua mối quan hệ xã hội, anh M2 biết G có thể làm được thủ tục tách thửa, tách sổ, anh M2 đến gặp G để trao đổi. Sau khi anh M2 cung cấp thông tin về 02 thửa đất, G khẳng định sẽ cấp được Giấy CNQSDĐ theo yêu cầu của anh M2, anh M2 đã ký 02 hợp đồng với G, cụ thể:

- Ngày 18/02/2023, anh M2 và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản với nội dung G thực hiện việc tách thửa đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 52 diện tích 378,7 m^2 có địa chỉ tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, với chi phí 55.000.000 đồng, đặt cọc 45.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng đến ngày 18/7/2023. Cùng ngày, anh M2 chuyển số tiền 40.000.000 đồng từ tài khoản số 4510821xxx mang tên Nguyễn Tiến M2 mở tại ngân hàng BIDV đến số tài khoản số 83801222955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank và đưa 5.000.000 đồng tiền mặt cho G (không có giấy biên nhận).

- Ngày 24/02/2023, anh M2 và N ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản để làm thủ tục thừa kế cho tặng đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 22, diện tích 996 m^2, địa chỉ tại: thôn Đ, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, chi phí 35.000.000 đồng, đặt cọc 25.000.000 đồng. Sau khi ký Hợp đồng, anh M2 đã chuyển 25.000.000 đồng cho G thông qua chuyển khoản.

Sau khi nhận tiền, G chia cho N 7.000.000 đồng. Quá thời hạn cam kết G và N không thực hiện theo thỏa thuận, chiếm đoạt số tiền đã nhận vì vậy ngày 10/11/2023, anh M2 có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G và N đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa số 15 diện tích 996 m^2, tờ bản đồ số 22 là đất thổ cư của ông Nguyễn Tiến S và thửa đất số 201, tờ bản đồ số 52, diện tích 378,7m^2 là đất ở tại nông thôn và đất vườn đứng tên Nguyễn Tiến M2, hai thửa đất đều đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Về trách nhiệm dân sự: anh M2 đã được gia đình G bồi thường số tiền 70.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Danh G đối với 20 bị hại với tổng số tiền là 1.774.760.000 đồng, cụ thể:

2.1. Hành vi chiếm đoạt 107.640.000 đồng của anh Phùng Văn T1 (sinh năm: 1985; trú tại: thôn A, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội).

Tháng 01/2022, anh Phùng Văn T1 và vợ là chị Đinh Thị L1 (sinh năm: 1985) mua của bà Nguyễn Thị Th1 (sinh năm: 1955, trú tại: thôn T, phường T, thị xã S, TP Hà Nội) thửa đất số 1199, tờ bản đồ số 7, diện tích 109,2 m^2, là đất sản xuất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đào Văn B2 (chồng bà Th1, hiện đã chết) và thửa đất gắn liền với thửa đất trên có diện tích 239,6 m^2 là đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 15/4/2023, anh T1 và chị L đến Công ty T thuê G làm thủ tục tách thửa đất có diện tích 109,2 m^2 ra khỏi Giấy CNQSDĐ của ông B2 (Giấy chứng nhận này gồm nhiều thửa đất khác); sau đó hợp với thửa đất có diện tích 239,6 m^2 là đất khai hoang, chuyển đổi 100 m^2 thành đất ở, còn lại 248,8 m^2 chuyển đổi thành đất vườn. Anh T1 và G thống nhất chi phí là 358.800.000 đồng, đặt cọc trước 107.640.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, chị L chuyển số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản số 45110000141xxx mang tên Đinh Thị L mở tại Ngân hàng BIDV đến tài khoản số 838012955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank. Ngày 21/4/2023, chị L chuyển tiếp cho G 57.640.000 đồng. Mặc dù thời hạn hợp đồng đến ngày 15/4/2024 hết hạn, tuy nhiên, sau khi chuyển số tiền 107.640.000 đồng cho G, anh T1 thấy G không thực hiện theo hợp đồng, nghi ngờ G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 10/7/2023, anh T1 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội kết quả: Đối với thửa đất số 1199, tờ bản đồ số 07, diện tích 109,2 m^2, địa chỉ tại: thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CH01xx ngày 07/12/2016 là loại đất chuyên màu không chuyển đổi sang đất thổ cư được. UBND xã T không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh T1 đã được gia đình G bồi thường số tiền 107.640.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.2. Hành vi chiếm đoạt 83.500.000 đồng của chị Hà Thị Thanh Ph (sinh năm: 1976; trú tại: thôn P, xã Đ, thị xã S, thành phố Hà Nội).

Năm 2009, chị Hà Thị Thanh Ph mua của ông Cần Văn Ph1 (sinh năm: 1953, trú tại: thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội) thửa đất số 387, tờ bản đồ số 25, diện tích 2485 m^2, trong đó có 300 m^2 đất ở, còn lại là đất vườn. Thửa đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ số AD 9313xx ngày 09/12/2009. Ngày 28/12/2009, chị Ph mua thêm 2 thửa đất của ông Ph1, giáp ranh với thửa đất 387 gồm: thửa số 13, tờ bản đồ số 25, diện tích 288 m^2 và thửa số 19, tờ bản đồ số 25, diện tích 804 m^2, là loại đất ruộng và đất khai hoang chưa được cấp Giấy chứng

nhận QSDĐ. Thông qua mạng xã hội Facebook, chị Ph biết Công ty T có dịch vụ làm sổ đỏ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 27/6/2023, chị Ph đến văn phòng Công ty T gặp G, G cam kết sẽ thực hiện được việc hợp thửa đất số 13 và thửa đất số 19, đồng thời cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở là 100m², diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm với giá 255.000.000 đồng, đặt cọc 83.500.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, chị Ph đưa cho G số tiền 63.000.000 đồng (bằng tiền mặt) và chuyển 20.500.000 đồng từ tài khoản số 1883939xxx mang tên Hà Thị Thanh Ph mở tại Ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx của G mở tại Ngân hàng MBBank. Mặc dù, đến ngày 27/6/2024 mới hết hạn hợp đồng, nhưng chị Ph phát hiện công ty T không có chức năng, không đủ điều kiện cấp, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ngày 06/7/2023, chị Ph gửi đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 25, diện tích 2485 m^2 có địa chỉ tại thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Về trách nhiệm dân sự: chị Ph đã được gia đình G bồi thường số tiền 83.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.3. Hành vi chiếm đoạt 50.000.000 đồng của ông Quách Hữu Đ1 (sinh năm: 1961; trú tại: Thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội).

Ông Quách Hữu Đức có một thửa đất diện tích 750 m^2, thuộc tờ bản đồ 299, địa chỉ tại: thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, là loại đất khai hoang, sử dụng từ năm 1968. Do thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ nên ông Đ1 có nhu cầu làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi thành đất thổ cư. Do Công ty T quảng cáo có thể xin cấp được Giấy CNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên ông Đ1 thuê G chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở thổ cư đối với thửa trên. Ngày 10/4/2023, ông Đ1 và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản, thời hạn thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký, đến ngày 10/4/2024 hết hạn. Sau khi ký hợp đồng, G yêu cầu ông Đ1 chuyển tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho G. Ông Đ1 nhờ bạn là ông Nguyễn Văn V (sinh năm: 1960, trú tại: tổ 8, phường X, thị xã S, thành phố Hà Nội) chuyển 50.000.000 đồng cho G. Cùng ngày, ông V chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản số 8380122955xxx5 của G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên, chiếm đoạt số tiền đã nhận. Ngày 11/11/2023, ông Đ1 đã gửi đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất diện tích 750 m^2 thuộc tờ bản đồ 299, địa chỉ tại: thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang.

Về trách nhiệm dân sự: ông Đ1 đã được gia đình G bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.4. Hành vi chiếm đoạt 180.000.000 đồng của ông Hoàng Quốc H1 (sinh

năm: 1965; trú tại: Số 9 hẻm 43 ngách 32 ngõ 76 A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội).

Năm 2021, ông Hoàng Quốc H1 mua của ông Quách Hữu Đ1 (sinh năm: 1961; trú tại: Thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội) một thửa đất diện tích 298 m^2 thuộc tờ bản đồ số 299, địa chỉ tại: thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang, với giá 200.000.000 đồng, thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Khoảng tháng 9/2022, thông qua mối quan hệ xã hội, ông H1 biết G. G nói với ông H1 sẽ làm được để cấp Giấy CNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho thửa đất trên. Tin tưởng thông tin G đưa ra là thật, ngày 28/9/2022, ông H1 ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản với nội dung chuyển đổi thành 120m^2 đất thổ cư lâu dài, còn lại là đất vườn có thời hạn, thời hạn thực hiện Hợp đồng tối đa 08 tháng kể từ ngày ký, trong vòng 10 tháng G có trách nhiệm bàn giao cho ông H1 Giấy CNQSDĐ, chi phí là 230.000.000 đồng, đặt cọc là 150.000.000 đồng. Cùng ngày, ông H1 giao 150.000.000 đồng (bằng tiền mặt) cho G. Ngày 12/01/2023, G yêu cầu ông H1 chuyển thêm 30.000.000 đồng cho G để nộp chi phí cấp Giấy CNQSDĐ. Tin G, ông H1 đưa tiếp cho G 30.000.000 đồng cũng bằng tiền mặt. Sau khi nhận tiền, G ký xác nhận đã nhận tiền của ông H1 vào phía sau Hợp đồng. Do không thấy G không làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ cho thửa đất. Ngày 25/11/2023, ông H1 gửi đơn tố giác G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 180.000.000 đồng đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất diện tích 298m^2 thuộc tờ bản đồ 299, địa chỉ tại: thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang. UBND xã C không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông H1 đã được gia đình G bồi thường số tiền 180.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.5. Hành vi chiếm đoạt 50.000.000 đồng của ông Đỗ Văn T2 (sinh năm: 1967; trú tại: thôn L, xã X, Thị xã S, thành phố Hà Nội).

Năm 2021, ông Đỗ Văn T2 mua của ông Phan Văn Á (sinh năm: 1974, trú tại: xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) 01 thửa đất gồm 2413,1m² đất vườn và 716,7m² là ao, nguồn gốc là đất khai hoang, chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, địa chỉ tại: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội với mục đích làm trang trại chăn nuôi. Do ông T2 là bạn của ông Nguyễn Danh D (bố đẻ Nguyễn Danh G), tháng 12/2022, G nói với ông T2, G làm Chủ tịch HĐQT Công ty T, G có thể giúp ông T2 chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư và sau 05 tháng G sẽ đưa cho ông T2 Giấy chứng nhận QSDĐ. Tin tưởng thông tin G đưa ra là thật, ngày 29/12/2022, ông T2 và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản thuê G chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất trên. G yêu cầu ông T2 thanh toán cho G 100.000.000 đồng chia làm 02 đợt, đợt 1 thanh toán 50.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng; đợt 2 thanh toán 50.000.000 đồng sau khi nhận được Giấy chứng nhận QSDĐ. Ngay sau khi ký hợp đồng, ông T2 đưa cho G 50.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận tiền của

ông T2, G không thực hiện như cam kết, chiếm đoạt số tiền đã nhận. Ngày 09/11/2023, ông T2 làm đơn gửi đến Cơ quan điều tra, tố giác G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000 đồng.

Xác minh tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất gồm 2413,1m² đất vườn và 716,7m² là ao, có địa chỉ tại: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang. UBND xã không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông T2 đã được gia đình G bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.6. Hành vi chiếm đoạt 300.000.000 đồng của ông Đào Văn K (sinh năm: 1976; trú tại: thôn Y, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội).

Năm 2018, ông Đào Văn K mua của anh Ngô Văn V (sinh năm: 1969, trú tại: thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) thửa đất diện tích 2450 m^2, tờ bản đồ số 58, địa chỉ tại: thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất khai hoang, chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Năm 2019, ông K mua của bà Phạm Thị X (sinh năm: 1935; trú tại: 145 B, quận H, thành phố Hà Nội) thửa đất số 38, tờ bản đồ số 11, diện tích 436 m^2, địa chỉ tại: thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất thổ cư nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Ngoài ra ông K có một thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11, diện tích khoảng 700 m^2, địa chỉ tại: xóm H, thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất khai hoang.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông K biết G. G cam kết sẽ làm được thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ cho 03 thửa đất trên của ông K. Tin G, ông K ký 02 hợp đồng với G, cụ thể:

- Ngày 19/02/2023, ông K và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất diện tích 2450 m^2, địa chỉ tại: thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội và chuyển đổi mục đích sử dụng 400 m^2 thành đất ở nông thôn, thời hạn hợp đồng đến ngày 19/9/2023. G yêu cầu ông K đặt cọc 100.000.000 đồng. Ông K nhờ bà Đinh Thị H2 (sinh năm: 1978, là vợ ông K) chuyển tiền cho G. Cùng ngày, bà H2 chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản số 2210205190854 mang tên Đinh Thị H2 mở tại ngân hàng AgriBank đến số tài khoản 8380122955xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank.

- Ngày 10/4/2023, ông K và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11, diện tích khoảng 700 m^2, địa chỉ tại: xóm H, thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội (trong đó chuyển đổi 400m^2 thành đất ở nông thôn, còn lại là đất vườn) và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 11, diện tích 436 m^2, địa chỉ tại: thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội (trong đó chuyển đổi 400 m^2 thành đất ở nông thôn, còn lại là đất vườn), thời hạn hợp đồng đến ngày 10/01/2024. G yêu cầu ông K đặt cọc 200.000.000 đồng. Ngày 24/4/2023, ông K đưa cho G 200.000.000 đồng bằng tiền mặt. Sau khi nhận tiền, G ghi vào phía sau bản Hợp đồng *"đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng"*.

Sau khi ký 02 Hợp đồng trên, ông K không thấy G thực hiện thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 09/11/2023, ông K làm đơn tố giác G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất diện tích 2450 m^2, địa chỉ tại: thôn B, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Thửa đất số 38 tờ bản đồ số 11, diện tích 436 m^2, địa chỉ tại: thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất thổ cư, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11, diện tích khoảng 700 m^2, địa chỉ tại: xóm H, thôn G, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang. UBND xã không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông K đã được gia đình G bồi thường số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.7. Hành vi chiếm đoạt 70.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm: 1987; trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội).

Năm 2015, chị Nguyễn Thị H3 mua của anh Lê Văn H4 (sinh năm: 1973, trú tại: thôn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội) thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36, diện tích 360m^2, địa chỉ tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất giãn dân chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Tháng 6/2023, chị H3 thấy trang facebook nhận làm sổ đỏ đất Ba Vì. Chị H3 nhắn tin đến trang mạng này và gặp Tạ Thị M2 tư vấn, giới thiệu Nguyễn Danh G là Chủ tịch HĐQT Công ty T; G có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho chị H3. Ngày 19/6/2023, chị H3 đến Công ty T gặp G. Sau khi xem xong giấy tờ đất, G khẳng định sẽ làm được thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho chị H3 chuyển đổi thành 100 m^2 đất ở nông thôn và 310 m^2 đất vườn, chi phí thực hiện là 235.000.000 đồng, đặt cọc trước 70.500.000 đồng. Cùng ngày, chị H3 chuyển 70.500.000 đồng từ tài khoản số 6622286888xxx mang tên Nguyễn Thị H3 mở tại ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện như cam kết, chiếm đoạt số tiền đã nhận. Ngày 09/11/2023, chị H3 có đơn tố giác đến Cơ quan điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36, diện tích 360 m^2, địa chỉ tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là đất ở giãn dân. UBND xã C không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: chị H3 đã được gia đình G bồi thường số tiền 70.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.8. Hành vi chiếm đoạt 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Đức H4 (sinh năm: 1965; trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, TP Hà Nội).

Ông Nguyễn Đức Huy có thửa đất số 15, tờ bản đồ số 37, là loại đất khai hoang, diện tích khoảng 13.000 m^2 địa chỉ thuộc thôn B, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Ông H4 có nhu cầu xin cấp Giấy

CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất khai hoang thành đất thổ cư. Thông qua mạng xã hội Facebook, ông H4 tìm đến Công ty T để thuê G thực hiện việc cấp Giấy CNQSDĐ cho thửa đất trên. G cam kết sẽ làm được thủ tục xin cấp Giấy CNQSD đối với thửa đất của ông H4, trong đó chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích 300 m^2 thành đất ở nông thôn và số diện tích còn lại là đất ao và đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/6/2023, ông H4 và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên. Sau khi ký Hợp đồng, G yêu cầu ông H4 thanh toán tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng. Ông H4 chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản số 5699999188xxx mang tên Nguyễn Đức H4 mở tại Ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không làm thủ tục để xin cấp Giấy CNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 09/11/2023, ông H4 làm đơn tố giác G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất có diện tích 13.000m^2 địa chỉ thuộc thôn B, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là đất khai hoang thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức H4, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. UBND xã không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông H4 đã được gia đình G bồi thường số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.9. Hành vi chiếm đoạt 84.000.000 đồng của anh Nguyễn Xuân H5 (sinh năm: 1984; trú tại: Thôn P, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội).

Năm 2020, anh Nguyễn Xuân H4 mua của bà Nguyễn Thị M (sinh năm: 1967, trú tại: thôn 5, xã B, huyện B, thành phố Hà Nội) thửa đất số 36b4, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,6 m^2, địa chỉ tại: thôn 5 xã B, huyện B, thành phố Hà Nội, là loại đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Anh H4 có nhu cầu cấp Giấy CNQSDĐ cho thửa đất trên. Thông qua mối quan hệ xã hội, anh H4 biết G có thể xin cấp được Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên cho anh H4. Tháng 6/2023, anh H4 cầm Giấy mua bán đất viết tay và giấy trích đo thửa đất đến văn phòng công ty T gặp G để tư vấn. Sau khi xem xong giấy tờ, G khẳng định sẽ cấp được Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên cho anh H4. Ngày 27/6/2023, anh H4 và G ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản. Theo hợp đồng ký kết, G cam kết sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở với diện tích 108,4 m^2, đất trông cây lâu năm với diện tích 35,2 m^2. Sau khi ký hợp đồng, G yêu cầu anh H4 đặt cọc 84.000.000 đồng. Anh H4 chuyển 84.000.000 đồng từ tài khoản số 0382659243 mang tên Nguyễn Xuân H4 mở tại ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện, làm thủ tục như cam kết. Ngày 09/11/2023, anh H4 có đơn trình báo Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã B, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: thửa đất số 36b4, tờ bản đồ số 19, diện tích 143,6 m^2, địa chỉ tại: thôn 5 xã B, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. UBND xã B không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử

dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh H4 đã được gia đình G bồi thường số tiền 84.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.10. Hành vi chiếm đoạt 68.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H5 (sinh năm: 1979) và chị Ngô Thị L2 (sinh năm: 1983), cùng trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

Gia đình anh H5, chị L2 có một thửa đất diện tích khoảng 1.300 m^2, địa chỉ tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất khai hoang do UBND xã C giao cho ông Nguyễn Ngọc H6 (sinh năm: 1949, trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội) là bố anh H5. Thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Gia đình anh H5 có nhu cầu cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất khai hoang thành đất ở thổ cư. Thông qua chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm: 1987, là em gái anh H5), anh H5 và chị L2 biết Công ty TNHH G do G làm Giám đốc có thể cấp được Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Anh H5, chị L2 đến Công ty G gặp G. Sau khi xem giấy tờ, G cam kết sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên cho gia đình anh H5, chị L2. Ngày 25/7/2023, chị L2 và G ký Hợp đồng ủy quyền cho G thực hiện hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp mới Giấy CNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Ngọc H6, chuyển đổi 400 m^2 thành đất ở tại nông thôn và 900 m^2 thành đất vườn. G yêu cầu chị L2 thanh toán tiền đặt cọc là 68.000.000 đồng. Do không có đủ tiền trong tài khoản nên chị L2 nhờ chị H3 chuyển khoản cho G số tiền trên. Cùng ngày, chị H3 chuyển 68.000.000 đồng từ tài khoản số 6622286888xxx mang tên Nguyễn Thị H3 mở tại ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền của chị L2, G viết một biên lai thu tiền ký tên và đóng dấu Công ty G. Do G không thực hiện được việc như cam kết. Ngày 08/11/2023, chị L2 có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất diện tích khoảng 1.300 m^2, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là đất khai hoang UBND xã C giao cho ông Nguyễn Ngọc H6 để quản lý. UBND xã C không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh H5 và chị L2 đã được gia đình G bồi thường số tiền 68.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.11. Hành vi chiếm đoạt 52.000.000 đồng của vợ chồng ông Trần Đăng T3 (sinh năm: 1968) và bà Phùng Thị Thu H8 (sinh năm: 1973), cùng trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

Gia đình ông Trần Đăng T3 có thửa đất số: 01, 02, 22 thuộc tờ bản đồ số 35, diện tích 16.440 m^2, địa chỉ tại: khu Dốc Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, là loại đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Do có nhu cầu cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên bà Phùng Thị Thu H8 (vợ ông T3) đến Công ty G gặp G để tư vấn. Ngày 26/7/2023, bà H8 ký Hợp đồng

ủy quyền cho G thực hiện hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp mới Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 4.000 m^2 trong đó chuyển đổi 400 m^2 thành đất ở nông thôn và 3.600 m^2 đất vườn, đặt cọc 52.000.000 đồng. Sau khi ký Hợp đồng, bà H8 chuyển 52.000.000 đồng từ số tài khoản số 2210205026xxx mang tên Phùng Thị Thu H8 mở tại Ngân hàng AgriBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện công việc theo thỏa thuận, ngày 08/11/2023, ông T3 gửi đơn tố giác G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất số 01,02,22 thuộc tờ bản đồ số 35, diện tích 16.440 m^2, địa chỉ: khu Dốc Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất trồng cây lâu năm, chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. UBND xã C không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông T3 và bà H8 đã được gia đình G bồi thường số tiền 52.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.12. Hành vi chiếm đoạt 80.000.000 đồng của ông Lê Xuân Q2 (sinh năm: 1956; trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội).

Ông Lê Xuân Q2 có thửa đất số 01 thuộc tờ bản đồ số 39, diện tích 24.800 m^2 địa chỉ khu C, thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, là loại đất thực hiện đề án xây dựng trang trại nông nghiệp đã được UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ số AD 8739xx ngày 30/9/2008 cho ông Q2. Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở lâu năm nên ông Q2 đến Công ty G gặp G để tư vấn. Sau khi xem Giấy CNQSDĐ, biên lai nộp thuế, G cam kết sẽ chuyển đổi 150 m^2 đất thành đất ở nông thôn, 11.850 m^2 thành đất trồng cây lâu năm, đặt cọc trước 80.000.000 đồng. Ngày 27/7/2023, ông Q2 ký hợp đồng ủy quyền cho G thực hiện hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng, cấp Giấy CNQSDĐ mang tên Lê Xuân Q2 đối với thửa đất trên. Ngày 29/7/2023, ông Q2 đưa cho G số tiền 80.000.000 đồng bằng tiền mặt, G đưa cho ông Q2 một biên lai thu tiền. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện công việc theo thỏa thuận. Ngày 08/11/2023, ông Q2 có đơn tố giác G hành vi lừa đả chiếm đoạt tài sản của Ginag đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất thuộc tờ bản đồ số 39 có diện tích 24.800 m^2, địa chỉ: khu C, thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là đất thực hiện đề án xây dựng trang trại nông nghiệp đã được UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ ngày 30/9/2008 cho ông Lê Xuân Q2. UBND xã không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông Q2 đã được gia đình G bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.13. Hành vi chiếm đoạt 50.000.000 đồng của bà Phạm Thị Ch1 (sinh năm: 1965; trú tại: thôn N, xã K, thị xã S, TP Hà Nội).

Bà Nguyễn Thị T4 (sinh năm: 1962, trú tại: thôn N, xã K, thị xã S, thành phố Hà Nội) có 02 thửa đất là đất ở tại nông thôn, đã được cấp Giấy CNQSDĐ đất gồm: thửa đất số 104, tờ bản đồ số 08, diện tích 128 m^2 và thửa đất số 104, tờ bản đồ 08, diện tích 218 m^2. Năm 2008, bà Ch1 mua một phần đất có diện tích 114 m^2 trên diện tích 02 thửa đất trên của bà T4. Năm 2011, bà Ch1 mua thêm 01 thửa đất có diện tích 32 m^2 của ông Trương Văn L3 (sinh năm: 1969, trú tại: thôn N, xã K, thị xã S, thành phố Hà Nội) đã được UBND Thị xã S cấp Giấy CNQSDĐ số H002xx ngày 28/10/2005. Ba thửa đất của bà Ch1 mua gộp thành một thửa đất có tổng diện tích 140 m^2 nhưng vẫn nằm trong diện tích trên Giấy chứng nhận của bà T4, ông L3 nên bà Ch1 có nhu cầu tách thửa, sau đó hợp thửa để xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 140 m^2. Tháng 8/2023, thông qua mạng xã hội Facebook, bà Ch1 liên hệ với Tạ Thị M2 là nhân viên của Công ty G để tư vấn thủ tục tách, hợp thửa và cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 14/8/2023, bà Ch1 mượn 02 bản gốc Giấy CNQSDĐ đối với 02 thửa đất của bà T4 và ông L3 mang đến Công ty G gặp G. Sau khi xem Giấy CNQSDĐ và giấy tờ mua bán viết tay, G khẳng định sẽ tách được thửa đất trên đồng thời sẽ làm thủ tục hợp thửa, cấp mới Giấy CNQSDĐ cho bà Ch1. G soạn thảo Hợp đồng ủy quyền nội dung bà Ch1 ủy quyền cho G làm các công việc với Cơ quan nhà nước để tách được các thửa đất trên đồng thời gộp thửa, cấp mới Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên của bà Ch1, tổng giá trị hợp đồng là 100.000.000 đồng, đặt cọc 50.000.000 đồng. Ngày 14/8/2023 và ngày 21/8/2023 bà Ch1 đưa tiền mặt và chuyển từ tài khoản số 2203205274xxx mang tên Phạm Thị Ch1 mở tại ngân hàng AgriBank đến số tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại Ngân hàng MBBank, tổng số tiền là 50.000.000 đồng. G ký nhận 02 biên lai thu tiền và đưa cho bà Ch1. Sau khi nhận tiền của bà Ch1, G không thực hiện công việc theo thỏa thuận, chiếm đoạt số tiền đã nhận. Ngày 18/11/2023, bà Ch1 có tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã K, Thị xã S, thành phố Hà Nội, xác định: UBND xã không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin tách thửa và hợp thửa đối với các thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: bà Ch1 đã được gia đình G bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.14. Hành vi chiếm đoạt 75.000.000 đồng của ông Đỗ Thế M3 (sinh năm: 1965, trú tại: thôn P, xã L, huyện T, TP Hà Nội).

Tháng 10/2022, ông Đỗ Thế M3 mua của ông Khuất Văn Ch2 (sinh năm: 1961, trú tại: thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội) thửa đất có diện tích 240 m^2 trong đất thửa đất số 903, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 720 m^2, địa chỉ: thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc là đất khai hoang chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, hai bên lập Giấy tờ mua bán viết tay và lập vi bằng. Do có nhu cầu xin cấp Giấy CNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở lâu dài nên ông M3 gọi điện đến Công ty TNHH G gặp Tạ Thị M2. M2 nói G có thể làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho ông M3. Ngày 30/8/2023, ông M3 cùng vợ là bà Kiều

Thị Th2 đến Công ty G gặp G. G cam kết sẽ cấp được Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi thành 60 m^2 đất có thổ cư và 180 m^2 thành đất trồng cây lâu năm, chi phí là 150.000.000 đồng, đặt cọc 75.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin G nói là thật, ông M3 đưa 75.000.000 đồng tiền mặt cho G; G viết 01 biên lai thu tiền có đóng dấu xác nhận của Công ty. Sau đó, ông M3 không thấy G thực hiện công việc như đã ký kết. Ngày 20/11/2023, ông M3 làm đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất có diện tích 240 m^2 trong đất thửa đất số 903, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại: thôn P, xã L, huyện T nguồn gốc là đất khai hoang. UBND xã L không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông M3 đã được gia đình G bồi thường số tiền 75.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.15. Hành vi chiếm đoạt 79.600.000 đồng của ông Đặng Đình H8 (sinh năm: 1964; trú tại: Thôn T, xã T, Thị xã S, thành phố Hà Nội).

Ông Đặng Đình H8 có thửa đất số 57, tờ bản đồ số 19, diện tích 1481 m^2, địa chỉ: thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội, là loại đất vườn đã được cấp Giấy CNQSDĐ số 028758 mang tên ông H8. Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất ở lâu dài, thông qua mạng xã hội facebook ông H8 đến Công ty G gặp G. Sau khi xem Giấy CNQSDĐ, G khẳng định làm được thủ tục chuyển 120 m^2 đất thành đất thổ cư với chi phí là 199.000.000 đồng, đặt cọc 79.600.000 đồng. Ngày 06/9/2023, ông H8 nhờ anh Lưu Ngọc Th3 (sinh năm: 1985; trú tại: xóm Đ, thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội) chuyển số tiền 79.600.000 đồng từ tài khoản số 19034476145xxx mang tên Lưu Ngọc Th3 mở tại ngân hàng TechcomBank đến số tài khoản 06100907608xxx của Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận được tiền, G đưa cho ông H8 một biên lai thu tiền. Sau đó, G nói Nguyễn Huy G3 liên hệ với đơn vị đo đạc tiến hành đo thửa đất và đến Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã S hỏi về thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng. Sau khi được Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã S cung cấp thông tin thửa đất của ông H8 không chuyển đổi được do đang xây dựng trái phép, Giáp thông báo lại cho G. G không thực hiện thêm được công việc gì và không trả lại tiền cho ông H8. Ngày 18/11/2023, ông H8 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã T, Thị xã S, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 19, diện tích 1481 m^2, địa chỉ: thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội là loại đất vườn đã được cấp Giấy CNQSDĐ số 0287xx mang tên ông Đặng Đình H8, do UBND Thị xã S cấp ngày 30/11/2004. UBND xã T không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: ông H8 đã được gia đình G bồi thường số tiền 79.600.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.16. Hành vi chiếm đoạt 50.000.000 đồng của chị Nguyễn Thu H9 (sinh năm: 1980; trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội).

Năm 2017, chị Nguyễn Thu H9 mua thửa đất số 01, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.380 m^2 của ông Trần Đăng T5 (sinh năm: 1968, trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội) là đất trồng cây lâu năm đã được cấp Giấy CNQSDĐ số CI 9226xx ngày 22/01/2018 mang tên Nguyễn Thu H9. Do có nhu cầu chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở lâu dài, ngày 25/9/2023, chị H9 đến Công ty G và đưa Giấy CNQSDĐ của thửa đất trên cho G xem. Sau khi xem, G khẳng định sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích 200 m^2 từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở nông thôn. G yêu cầu chị H9 đặt cọc 50.000.000 đồng. Cùng ngày, chị H9 nhờ chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm: 1987, trú tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội) chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản số 6622286888xxx mang tên Nguyễn Thị H3 mở tại Ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G không thực hiện theo cam kết. Ngày 09/11/2023 chị H9 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội xác định: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.380 m^2, tại: thôn Đ, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội là loại đất trồng cây lâu năm đã được cấp Giấy CNQSDĐ. UBND xã C không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: chị H9 đã được gia đình G bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.17. Hành vi chiếm đoạt 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L4 (sinh năm: 1973; trú tại: Thôn K, xã K, thị xã S, TP Hà Nội).

Bà Nguyễn Thị L4 có thửa đất diện tích 1.600 m^2, địa chỉ: khu C, xã K, Thị xã S, thành phố Hà Nội (trong đó: 1.240 m^2 đất khai hoang, 360 m^2 là đất ruộng). Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm nên bà L4 đến Công ty G gặp G để tư vấn. G cam kết sẽ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất 1.600 m^2 của bà L4, trong đó chuyển đổi 120 m^2 thành đất ở nông thôn, khoảng 1.480 m^2 đất trông cây lâu năm, với chi phí là 366.000.000 đồng, đặt cọc 100.000.000 đồng, thực hiện trong thời hạn 01 năm. Ngày 29/7/2023, bà L4 ký Hợp đồng ủy quyền với G để G thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ, sau khi ký Hợp đồng, bà Linh nhờ con gái là chị Phan Thu Tr (sinh năm: 1996, trú tại: Số 13, tổ 15 phường K, quận H, thành phố Hà Nội) chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản số 19035996231xxx mang tên Phan Thu Tr mở tại Ngân hàng TechcomBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Ngày 22/8/2023, bà L4 tiếp tục nhờ chị Tr chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản trên của G và bà L4 đưa 45.000.000 đồng tiền mặt cho G. Sau đó, bà L4 không thấy G thực hiện làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ngày 18/9/2024, bà L4 có đơn tố giác hành vi của G đến

Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã K, Thị xã S, thành phố Hà Nội, xác định: Đối với thửa đất trên UBND xã K không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng, cấp Giấy CNQSDĐ.

Về trách nhiệm dân sự: bà L4 đã được gia đình G bồi thường số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.18. Hành vi chiếm đoạt 60.000.000 đồng của ông Chu Đình H10 (sinh năm: 1965; trú tại: thôn Đ, xã P, huyện B, TP Hà Nội).

Ông Chu Đình H10 có thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, diện tích 818 m^2, nguồn gốc là đất trồng lúa tại thôn Đ, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội. Do có nhu cầu cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên ông H10 liên hệ đến Công ty G gặp Tạ Thị M2. M2 hướng dẫn ông H10 chuẩn bị tài liệu, giấy tờ liên quan đến thửa đất mang đến Công ty. Ngày 22/8/2023, ông H10 gặp G, G khẳng định sẽ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ với chi phí là 140.000.000 đồng, đặt cọc 60.000.000 đồng. Ông H10 đồng ý và đưa cho G 60.000.000 đồng bằng tiền mặt. Sau khi nhận tiền của ông H10, G không thực hiện như cam kết. Ngày 18/9/2024, ông H10 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã P, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: Thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, diện tích 818 m^2, nguồn gốc là đất trồng lúa thuộc thôn Đ, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội do ông Chu Đình H10 quản lý và sử dụng. UBND xã P không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng, cấp Giấy CNQSDĐ.

Về trách nhiệm dân sự: ông H10 đã được gia đình G bồi thường số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.19. Hành vi chiếm đoạt 45.000.000 đồng của anh Đặng Văn T6 (sinh năm: 1980; trú tại: thôn 5, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội).

Anh Đặng Văn T6 và anh Đặng Duy Y (sinh năm: 1977, trú tại: thôn 5, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) là anh trai của anh T6, được bà Cao Thị D1 (sinh năm: 1945; trú tại: thôn 5, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) là mẹ anh T6 cho thửa đất số 10 tờ bản đồ số 6, diện tích 1027 m^2, địa chỉ tại: thôn 5, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, là đất ở tại nông thôn. Do có nhu cầu tách đôi thửa đất trên để phân chia cho hai anh em nên anh T6 đến Công ty G nhờ G tư vấn. Sau khi cung cấp thông tin, G cam kết trong thời hạn 5-7 tháng sẽ làm xong thủ tục tách thửa đất và cấp Giấy CNQSDĐ với chi phí là 75.000.000 đồng, đặt cọc 45.000.000 đồng. Tin tưởng G, ngày 26/9/2023, anh T6 ký Hợp đồng ủy quyền cho G làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất trên, đồng thời anh T6 chuyển 45.000.000 đồng từ tài khoản số 103873993xxx mang tên Đặng Văn T6 mở tại ngân hàng ViettinBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Danh G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận được tiền, G không thực hiện như cam kết. Ngày 19/9/2024, anh T6 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: UBND xã T không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc tách thửa đất đối với thửa đất trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh T6 đã được gia đình G bồi thường số tiền 45.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

2.20. Hành vi chiếm đoạt 89.520.000 đồng của ông Đỗ Văn Ch2 (sinh năm: 1970) và bà Nguyễn Thị Ch3 (sinh năm: 1973), cùng trú tại: thôn P, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội.

Gia đình ông Đỗ Văn Ch2 có thửa đất được UBND xã P dồn điền đổi thửa về đất ao tại khu vực đình thôn P, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội, diện tích 120 m^2 chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Ông Ch2 có nhu cầu cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi thành đất ở thổ cư đối với thửa đất trên. Thông qua mạng xã hội Facebook, vợ chồng ông bà Ch2 đến Công ty G gặp G. G cam kết thực hiện được việc cấp Giấy CNQSDĐ và chuyển đổi thành đất ở thổ cư với diện tích 120 m^2 là đất ao, chi phí là 223.800.000 đồng, đặt cọc 89.520.000 đồng. Ngày 11/7/2023, G và ông Ch2 ký Hợp đồng ủy quyền, đồng thời bà Ch3 đưa cho G số tiền 42.520.000 đồng bằng tiền mặt và chuyển 47.000.000 đồng từ tài khoản số 0001465125xxx mang tên Nguyễn Thị Ch3 mở tại Ngân hàng MBBank đến tài khoản số 06100907608xxx mang tên Nguyễn Dang G mở tại ngân hàng MBBank. Sau khi nhận tiền, G ký xác nhận và đóng dấu của Công ty TNHH đầu tư G vào mặt sau của Hợp đồng. Do không thấy G thực hiện thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 19/6/2024 ông Ch2 có đơn tố giác hành vi của G đến Cơ quan điều tra.

Xác minh tại UBND xã P, huyện B, thành phố Hà Nội, xác định: thửa đất được UBND xã P dồn điền đổi thửa về đất ao ở khu vực đình thôn C, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội diện tích 120 m^2 thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn Ch2. UBND xã P không tiếp nhận hồ sơ của cá nhân liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ.

Về trách nhiệm dân sự: ông Ch2 đã được gia đình G bồi thường số tiền 89.520.000 đồng và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2025/HS-ST ngày 15/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh G **12** *(Mười hai)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **10** *(Mười)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2025, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/4/2025, bị cáo Nguyễn Danh G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Gia đình của bị cáo Nguyễn Danh G nộp cho Hội đồng xét xử Thư cảm ơn của Hội người mù huyện B về việc đã được bị cáo G tặng 80 suất quà trị giá 48.000.000 đồng năm 2023; đơn trình bày của ông Nguyễn Danh D (là bố bị cáo G) có xác nhận của UBND xã M về việc ông có thời gian phục vụ trong quân ngũ; ở địa phương, ông D được Ban chấp hành Hội người cao tuổi xã Y tặng Giấy khen năm 2024 về thành tích "Tuổi cao - Gương sáng", gia đình nhiều năm liền (2018 - 2020) được công nhận là gia đình văn hóa.

- Quan điểm của Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B1: Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội; xét thấy, trong vụ án này, toàn bộ thiệt hại đã được các bị cáo và gia đình các bị cáo khắc phục, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Danh G và 10 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Văn N là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

- Luật sư Vy Văn M có đơn đề nghị triệu tập thêm các bị hại là anh Phùng Bá Â, anh Lê Văn Đ, anh Trần Viết P, ông Đỗ Quốc T và anh Nguyễn Tiến M2. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập các bị hại như trình bày trong đơn vì lời khai của các bị hại này có mâu thuẫn, cần được làm rõ tại phiên tòa; bên cạnh đó, Luật sư đề nghị triệu tập Điều tra viên Đặng Đình D và Kiểm sát viên Đặng Thị Mai L đã tiến hành điều tra vụ án ở cấp sơ thẩm để làm rõ một số vấn đề, đặc biệt là các biên bản đối chất và việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự.

Về nội dung, Luật sư Vy Văn M không có ý kiến gì về việc xác định bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Danh G; tuy nhiên, Luật sư cho rằng việc áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N là không đúng; mức hình phạt 10 năm tù đối với bị cáo N là quá nặng. Theo Luật sư thì cả 5 bị hại đều có chung quan điểm là bị bị cáo Nguyễn Danh G lừa chứ không phải bị bị cáo Nguyễn Văn N lừa; bị cáo N chỉ vô tình trở thành người giúp sức cho bị cáo G; chỉ có thể quy kết bị cáo N phải chịu trách nhiệm về 209 triệu đồng của các bị hại là anh Â, anh P và anh M2; bị cáo chỉ bị áp dụng khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm chưa phân hóa tội phạm, chưa đánh giá và áp dụng đúng quy định của pháp luật về cá thể hóa hình phạt. Bị cáo N thành khẩn khai báo, nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại; chủ động nói chuyện với bị cáo G để trả tiền cho các bị hại, được các bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, có thân nhân là những người có công với đất nước; Luật sư cho rằng mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo N chỉ nên quyết định bằng 1/2 mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo G; Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo N, đồng thời xem xét giảm nhẹ cả hình phạt cho bị cáo G.

- Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Về đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư Vy Văn M, thấy rằng lời khai của các bị hại đã có trong hồ sơ vụ án; các tài liệu có trong hồ sơ đã đầy đủ và việc triệu tập thêm bị hại, Điều tra viên, Kiểm sát viên như đề nghị của Luật sư là không cần thiết. Vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo đều có mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo G chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo N; bị cáo N chỉ đồng phạm với vai trò giúp sức bị cáo G để chiếm đoạt 1.059.000.000 đồng của 5 bị hại; các bị cáo thành khẩn khai báo, trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo N có nhân thân tốt, có thân nhân là người có công, có con bị bệnh gan phải điều trị; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo phạm tội nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là thiếu sót; tuy nhiên, thiếu sót này không làm sai lệch vụ án và mức án 12 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Danh G, 10 năm tù (dưới khung hình phạt) đối với bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ để đáp ứng yêu cầu giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Danh G, bị cáo Nguyễn Văn N làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập thêm người tham gia tố tụng của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N, thấy rằng lời khai của các bị hại đã có trong hồ sơ vụ án; các tài liệu có trong hồ sơ đã đầy đủ và việc triệu tập thêm bị hại, Điều tra viên, Kiểm sát viên như đề nghị của Luật sư là không cần thiết; Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo, căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Danh G, bị cáo Nguyễn Văn N tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ

thẩm và phúc thẩm; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng; tang vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ có sở đề kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2023, Nguyễn Danh G không có chức năng nhiệm vụ, quyền hạn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, hợp thửa nhưng do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã thành lập các pháp nhân, chủ động bàn bạc và câu kết với Nguyễn Văn N, đưa ra thông tin gian dối về việc làm dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, hợp thửa, nhận và chiếm đoạt tài sản của 25 bị hại với tổng số tiền là 2.833.760.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn N, mặc dù biết rõ Nguyễn Danh G không có khả năng làm được việc cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tách, hợp thửa nhưng được G hứa hẹn chia cho 10% giá trị mỗi hợp đồng dịch vụ nên đã đăng tải các bài viết trên trang Fanpage "Làm sổ đỏ nhà đất" và "Bất động sản tại Ba Vì" trên mạng xã hội Facebook để tìm kiếm bị hại, trực tiếp tư vấn, ký hợp đồng, đi đo đạc đất nhằm tạo lòng tin của bị hại, giúp sức cho Nguyễn Danh G chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại là anh Phùng Văn Â, anh Lê Văn Đ, ông Trần Việt P, ông Đỗ Quốc T và anh Nguyễn Tiến M2 với tổng số tiền là 1.059.000.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Nguyễn Danh G và Phạm Văn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Danh G, thấy rằng, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, chiếm đoạt tài sản của 25 bị hại, với giá trị tài sản gấp 5 lần mức quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tính chất hành vi phạm tội là đặc biệt nghiêm trọng, cần xử phạt nghiêm khắc để bảo đảm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc việc bị cáo thành khẩn khai nhận tội, thể hiện sự ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường, trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại; được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; từ đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Bên cạnh đó, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Danh G thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cầu thành tội phạm; Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, sau khi vụ án bị phát hiện, toàn bộ thiệt hại của các bị hại đã được khắc phục; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo G tiếp tục thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo xuất trình tài liệu mới thể hiện bị cáo tích cực tham gia công tác thiện nguyện, có bố đẻ có thời gian phục vụ trong quân ngũ, gia đình ở địa phương nhiều năm liền được công nhận là gia đình văn hóa (đây là các tình tiết giảm nhẹ thuộc quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Xét thấy, mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Danh G là có phần nghiêm khắc

nên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn N, phạm tội với vai trò giúp sức, khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo; toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại đã được khắc phục; bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; có bác ruột Nguyễn Văn L là liệt sĩ, ông nội Nguyễn Văn C được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, 40 năm tuổi đảng, con đẻ Nguyễn Mạnh Tr bị xơ gan độ III; từ đó, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Bên cạnh đó, tương tự như bị cáo Nguyễn Danh G, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn N cũng thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cầu thành tội phạm; Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, bị cáo N phạm tội với vai trò giúp sức, toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại đã được khắc phục, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thì mức hình phạt 10 năm tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đối với bị cáo Nguyễn Danh G.

[5] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Danh G, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; sửa quyết định của bản án sơ thẩm số 237/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh G **11** (Mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **9** (Chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2023.

2. Bị cáo Nguyễn Danh G, bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Lưu Phòng HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thành Quang